TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI -TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hồng Vân.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 09/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1998 (có mặt);

ĐKTT: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Chổ ở: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Thanh Dẹn – Chi nhánh Bến Tre – Công ty Luật TNHH DC COUNSEL.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2023, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Lê Thanh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy vào ngày 02/02/2018. Trong quá trình chung sống, chị và anh H có nhiều quan điểm khác nhau dẫn tới tranh cải, việc tranh cải xảy ra nhiều lần. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 11 năm 2022. Chị nhận thấy không thể hàn gắn với anh H nên yêu cầu xin ly hôn.

Chị và anh H có 01 con chung tên Lê Huỳnh Hải Yến, sinh ngày 17/10/2018; từ khi sống ly thân chị đem cháu về quê của chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có.

** Theo bản tự khai ngày 10/4/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Thanh H trình bày:*

Anh và chị Huỳnh Thị Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy vào ngày 02/02/2018. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây chị Đ làm gì không bàn bạc với anh nên đôi bên xảy ra cự cải rồi chị Đ yêu cầu ly hôn. Anh thì không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị Đ kiên quyết thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Cháu Lê Huỳnh Hải Yến, sinh ngày 17/10/2018 từ khi đôi bên xảy ra cự cải thì chị Đ đem con về quê cho cha mẹ chị Đ nuôi. Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con, do anh có điều kiện nuôi con hơn chị Đ như: Anh có thời gian rảnh và có thu nhập để nuôi con, trường học gần và có điều kiện đưa rước con đi học; còn chị Đ gởi cháu Hải Yến cho bên ngoại nhưng ngoại lớn tuổi, trường học xa.

Anh và chị Đ không có tài sản chung, nợ chung không có.

** Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Đ trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H. Chị và anh H có một con chung Lê Huỳnh Hải Yến, sinh ngày 17/10/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu cầu nuôi con chị không đồng ý, tuy gia đình anh H khá giả nhưng cháu Hải Yến trước giờ do chị chăm sóc. Chị có công việc, có thu nhập đảm bảo để nuôi con và trong việc chăm sóc cháu Hải Yến thì chị được sự hỗ trợ của cha mẹ ruột. Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung không ý kiến. Đối với yêu cầu nuôi con chung của

chị Đ thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bởi các lý do sau: Cháu Hải Yến còn nhỏ và là cháu gái nên cần mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn; chị Đ có thu nhập và cũng được cha mẹ ruột cho tài sản; trong việc chăm sóc cháu Hải Yến thì chị Đ được sự hỗ trợ của cha mẹ ruột. Anh H yêu cầu nuôi con nhưng vắng mặt, từ đó cho thấy anh H từ bỏ quyền yêu cầu của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm*: Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Do đó, việc đưa vụ án xét xử vắng mặt của anh H là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Huỳnh Thị Đ và anh Lê Thanh H có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy vào ngày 02/02/2018 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Đ và anh H phát sinh mâu thuẫn nhưng không giải quyết được và đã sống ly thân từ tháng 11/2022. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Lê Huỳnh Hải Yến, sinh ngày 17/10/2018 hiện sống với gia đình chị Đ, có cha mẹ và chị Đ cùng nuôi dưỡng, chăm sóc nên giao cháu Hải Yến cho chị Đ tiếp tục nuôi con là phù hợp. Anh H yêu cầu nuôi con không được chấp nhận, nhưng anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc yêu cầu ly hôn với anh H. Giao cháu Yến cho chị Đ nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Án phí đương sự nộp theo quy định.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Đ và anh Lê Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy (nay là thị

trấn Tiệm Tôm) huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/02/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Đ và anh H phát sinh mâu thuẫn và đôi bên không thiện chí hàn gắn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh H.

[2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Đ và anh Lê Thanh H yêu cầu nuôi cháu Lê Huỳnh Hải Yến, sinh ngày 17/10/2018. Xét về thu nhập thì chị Đ, anh H có thu nhập nuôi con, tuy nhiên từ khi chị Đ và anh H sống ly thân thì cháu Hải Yến do chị Đ đem về quê của chị nuôi dưỡng và đến nay vẫn không có chứng cứ gì thể hiện chị Đ nuôi con không bảo đảm. Do đó, giao cháu Hải Yến cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Huỳnh Thị Đ phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Đ đối với anh Lê Thanh H.

2. Con chung: Chị Huỳnh Thị Đ được tiếp tục nuôi cháu Lê Huỳnh Hải Yến, sinh ngày 17/10/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh Lê

Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh H có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Huỳnh Thị Đ phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001350 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND TT Tiệm Tôm;
- Lưu hồ sơ.